

## NGUYỄN VĂN VĨNH (1882-1936) VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CHỮ QUỐC NGỮ

Nguyễn Minh Triết

Danh từ “chữ Quốc ngữ” mặc dù không được chính danh. nhưng do chúng ta dùng đã lâu nên quen, và danh từ “chữ Quốc ngữ” được dùng để chỉ chữ viết chúng ta dùng ngày nay. Chữ này thoát đầu do những vị giáo sĩ Tây phương truyền đạo tại Việt Nam dùng mượn mẫu tự La tinh ghép lại để ghi âm địa danh và nhân vật địa phương. Từ đó nó đã trải qua các thời kỳ hình thành chữ Quốc ngữ, và qua quá trình hình thành, nó đã được sự đóng góp của nhiều người Việt cũng như người ngoại quốc.

Quá trình hình thành chữ quốc ngữ kéo dài gần ba trăm năm mươi năm, tính từ ngày đội thương thuyền đầu tiên của Bồ Đào Nha cập vịnh Đà Nẵng năm 1516 đem theo những giáo sĩ phương Tây đầu tiên đặt chân lên đất Việt tiếp xúc với người bản địa cho đến khi tờ *Gia Định Báo* do Trương Vĩnh Ký chủ trương là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ra đời vào năm 1865. Theo các nhà nghiên cứu phương Tây cũng như Việt Nam từ trước tới nay đều khẳng định chữ quốc ngữ là một sáng tạo tập thể, mỗi người góp phần một ít; những vị đi trước mở đường, những người kế tiếp hoàn thiện, nâng cao. Hình thành chữ quốc ngữ là một quá trình. Hoàn thiện nó cũng là một quá trình chỉ có thể tạm ngừng chứ không kết thúc, vì nó là một cơ thể sống đang phát triển. Công lao đặt nền móng chắc chắn thuộc về các giáo sĩ và tín đồ Thiên Chúa giáo người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha, người Ý, người Pháp, người Hà Lan... và có cả nhiều người Việt Nam. Vì chánh người Việt chứ không ai khác đã dạy tiếng Việt cho các giáo sĩ nước ngoài, và một khi đã có một số tín đồ bản địa tiếp cận tiếng La tinh thì nhất định họ có góp phần vào việc ghi âm chữ quốc ngữ bằng thứ mẫu tự ấy. Một trong các người ngoại quốc có công lớn trong việc hình thành nên chữ Quốc ngữ là

Alexandre de Rhodes. Ông đã sang Việt Nam truyền đạo trong vòng sáu năm từ năm 1624 đến năm 1630. và đã đóng góp nhiều công sức trong việc La tinh hoá tiếng Việt tiếp nối công trình của những người đi trước là các tu sĩ Dòng Tên người Bồ Đào Nha như Francisco de Pina, Gaspar d’Amaral, Antonio Barbosa v.v... Trong việc La tinh hóa để phổ biến tiếng Việt, Alexandre de Rhodes đã xuất bản “Bài giảng giáo lý Tám ngày” đầu tiên bằng tiếng Việt và cuốn từ điển Việt - La - Bồ đầu tiên vào năm 1651 tại Rome.

Tuy vậy, ngay sau khi đã được định hình một cách tương đối có hệ thống, chữ Quốc ngữ vẫn chỉ được dùng quanh quẩn trong phạm vi các nhà thờ Thiên Chúa giáo. Phải đợi tới năm 1863 khi người Pháp xâm chiếm miền Nam Việt Nam, sự phát triển chữ Quốc ngữ mới được đẩy mạnh với việc chánh quyền Pháp đón ông Petrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898) đang học ở trường dòng Penang ở Mã-Lai về làm thông ngôn. Ông Trương Vĩnh Ký, người tỉnh Vĩnh Long, là con một ông quan triều Nguyễn làm việc tại Cao Miên. Vị quan này mất sớm nên một cô đạo người Pháp, “Cố Long”, đã nhận ông Trương Vĩnh Ký làm con nuôi và đưa sang Mã-Lai cho học tại trường dòng nói trên. Ông Ký rất thông minh lại được học có hệ thống nên đã thông thạo nhiều thứ tiếng như: Pháp, La-tinh, Anh, Nhật, Ấn Độ, Trung Hoa và cả Hy Lạp.

Pháp đón ông Pétrus Ký về để làm người trung gian giao dịch với triều đình Huế, và để mở trường thông ngôn... Ông đã làm chủ bút tờ công-báo đầu tiên in bằng chữ Quốc ngữ, tờ *Gia-Định Báo* với sự hợp tác của các ông Huỳnh Tịnh Của và Tôn Thọ Tường. Lúc ấy chữ Quốc ngữ chưa phát triển mạnh vì người trong Nam chỉ nhắm học cho rành tiếng Pháp để đi Pháp du học mà thôi. Hồi đó người

Pháp chưa chiếm tới Bắc Kỳ nên sự nghiệp của ông Trương Vĩnh Ký bị giới hạn trong vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh. Tuy vậy, nhờ công việc làm của ông mà chữ quốc ngữ được trở nên sáng sủa hơn nhiều và việc làm của ông cũng đã đặt nền móng cho sự phát triển chữ Quốc ngữ sau này..

Mãi về sau khi Pháp đã chiếm và bình định miền Bắc xong bèn cho mở trường học và cho ra báo, lúc ấy chữ Quốc ngữ mới trở thành phổ biến trên cả nước và một người có công lớn trong việc “dùng thứ chữ dễ học nhất làm cỗ xe truyền bá tư tưởng trong phái bình dân” ở miền Bắc là ông Nguyễn Văn Vĩnh.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh xuất thân từ một gia đình nghèo và đông con, nên không được đi học đàng hoàng dù ông rất hiếu học. Mới 8 tuổi đã phải đi làm một chân kéo quạt cho trường Thông Ngôn của Pháp ở Hà Nội. Cậu bé kéo quạt ngồi ở cuối lớp, vừa kéo hai hàng quạt để quạt mát đám học trò vừa tò mò nghe thầy giảng bài; học sinh nghe gì thì cậu cũng nghe nấy. Sự chăm chú theo dõi bài học của cậu đã lọt vào mắt thầy d'Argence. Tới ngày thi mãn khóa ông cho cậu kéo quạt thi... thử! Không ngờ cậu lại đậu thứ 12 trong số 40 học sinh! Thầy d'Argence bèn đặc cách xin cho cậu học bổng và nhận cậu làm học sinh chánh thức của khóa học tiếp theo. Và khi thi ra trường học viên Nguyễn Văn Vĩnh đã đậu thủ khoa khóa đó và được tuyển đi làm thông ngôn cho tòa sứ Lào Cai lúc ấy còn vị thành niên mới vừa 14 tuổi.

Tại Lào Cai cậu Vĩnh được làm thông ngôn cho đoàn chuyên viên nghiên cứu xây đường sắt Hải Phòng-Hà Nội-Lào Cai-Vân Nam nên một chân trời mới đã mở ra trước mắt cậu Vĩnh. Cậu vừa làm việc vừa say mê học hỏi bất cứ cái gì mới lạ nên được các chuyên gia người Pháp thương mến và giúp đỡ rất nhiều. Sau một năm ở Lào Cai, đám chuyên gia này được chuyển về làm việc ở bến cảng Hải Phòng và họ đã xin đem theo cậu thông ngôn Nguyễn Văn Vĩnh.

Khi làm việc tại Hải Phòng một cơ duyên đã tới với cậu thông ngôn hiếu học: một thủy thủ người Pháp gạ bán cho cậu một bộ sách “Tự học chương trình Trung Học Phổ Thông” với giá 15 đồng. Món tiền tuy là rất lớn đối với cậu (một nửa tháng lương!) nhưng cậu cũng dốc túi để đổi lấy bộ sách. Từ ngày mua được bộ sách trên, ngoài giờ làm việc ra cậu vùi đầu vào tự học, và trong khoảng hai năm cậu đã học hết chương trình phổ thông Pháp, làm hết cái bài tập ở trong bộ sách. Cậu thích các môn triết học, chính trị và văn học..., đã lập danh mục những sách cần phải gửi mua để học thêm. Sau năm năm ở Hải Phòng cậu đã dành dụm mua được một rương đầy sách mà đi đâu cậu cũng mang theo.

Sau khi đã tự học hết chương trình trung học Pháp và đọc những sách chính trị, triết học và tiểu thuyết văn học Pháp, và sau khi hàng ngày được đọc sách báo và tạp chí nước ngoài đủ các loại mượn của các thủy thủ nước ngoài, Nguyễn Văn Vĩnh nhận thấy là dân tộc An-nam không có chữ riêng của mình mà phải dùng chữ nôm là loại chữ bất chước chữ nho là một điều không thể chấp nhận được. Theo gương trong Nam, ý nghĩ phải dùng và phát triển chữ Quốc ngữ để học để giúp cho nhiều người học hầu mở mang kiến thức đã nhen nhúm trong đầu ông. Với ý nghĩ đó Nguyễn Văn Vĩnh thử dịch những bài văn hay của Pháp ra chữ Quốc ngữ, bắt đầu bằng những bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine, rồi đến những chuyện trẻ con của Perrault, v.v... Nhưng lúc bấy giờ chưa có báo in bằng Quốc ngữ, chỉ mới có những tờ thông báo của tòa sứ in ra một nửa bằng chữ nho và một nửa bằng chữ Quốc Ngữ rất thô thiển. Ở Hải Phòng lúc bấy giờ chỉ mới có một tờ báo là “Courrier de HaiPhong” và Nguyễn Văn Vĩnh bắt đầu tập viết báo bằng tiếng Pháp. Những bài đầu tay là những tin ngắn nói về tình hình trong cảng, tình hình xây dựng cảng, xây dựng nhà máy và thành phố. Những bài ông viết đều được báo “Courrier de HaiPhong” nhận in. Sau những bản tin

thông thường đó ông tiến tới viết những bài nói về sinh hoạt và nếp sống của người dân thành phố cảng... Ông trở thành cộng tác viên An-Nam đầu tiên của tờ báo "Courrier de Haiphong". Như vậy ông Nguyễn Văn Vĩnh đã chánh thức bước vào nghề làm báo lúc mới được 17 tuổi (1899). Nhưng phải chờ đến năm 1907 sau chuyến được gởi sang Pháp dự triển lãm Marseille và sau khi được tiếp cận với kỹ nghệ in ấn và báo chí của Pháp ông mới thực sự dấn thân vào nghiệp làm báo và in ấn, một nghiệp dĩ đã theo ông đến khi lià đời. Ông đã chết một cách bi thương trên dòng sông Sepole thuộc Nam Lào, khi chết trên tay vẫn còn cầm bút và một cuốn sổ tay ghi chép cuộc hành trình đi tìm vàng của ông.

Sau khi dự triển lãm ở Pháp trở về Việt Nam, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã từ bỏ nghiệp quan chức và bắt đầu làm báo tự do. Năm 1907 ông mở nhà in đầu tiên ở Hà Nội và xuất bản tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* - tờ báo đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ ở Bắc Kỳ. Sau đó, ông lần lượt chủ trương các tờ báo sau này sẽ đi vào lịch sử báo chí nước nhà: Notre Journal (1908), Notre Revue, Lục tỉnh Tân văn (1910), Đông Dương Tạp chí (1913), Trung Bắc Tân Văn (1915), Annam Nouveau (1931)... Ngoài ra, ông là người đầu tiên dịch ra chữ Quốc ngữ các tác phẩm của các đại văn hào Pháp và cũng là người đầu tiên dịch "Truyện Kiều" của Nguyễn Du sang tiếng Pháp.

Khi bắt tay vào công việc dịch thuật, ông Nguyễn Văn Vĩnh mới thấy là chữ Quốc ngữ còn quá non nớt và mới mẻ, văn phạm hãy còn rất thô thiển, và chánh tả cũng chưa rõ ràng vì có quá nhiều khác biệt trong cách phát âm giữa các địa phương trong xứ. Do đó, qua các bài báo và sách vở dịch thuật ông đã hô hào và cổ động cho việc thống nhất ngôn ngữ, nhứt là sự tương nhượng tuân thủ những qui định về chánh tả giữa hai miền Bắc kỳ và Nam kỳ. Ngoài ra, ông cũng cổ xúy cho sự cần thiết phải luôn

tạo ra những từ mới để chữ Quốc ngữ ngày một phong phú và chánh xác hơn.

Ta hãy đọc quan điểm của ông Vĩnh về vấn đề này: *"Chúng tôi làm việc để đem lại cho ngôn ngữ quốc gia của chúng ta sự sáng sủa và chính xác mà chúng tôi đã thấy được trong tiếng Pháp... Có nghĩa là ngôn ngữ quốc gia của chúng ta chưa được thật chuẩn và nếu chúng tôi có ý định ngay hôm nay viết bằng tiếng An-nam nhiều điều mà chưa bao giờ được diễn giải bằng thứ tiếng này... (thì) chính họ là những người phải nói lên về những kết quả của thử thách của chúng tôi và không phải bản thân chúng tôi làm việc đó... ..tôi chỉ tham gia vào một phần rất nhỏ để tạo thành một ngôn ngữ An-nam mới... Để hoàn thành công việc này đòi hỏi còn phải cố gắng liên tục và sáng suốt của nhiều thế hệ khác nữa, để có thể đem lại cho ngôn ngữ đó một trình độ chính xác đầy đủ..."* (*l'Annam Nouveau*, số 466 ngày 1/8/1935).

Suốt cuộc đời làm báo cũng như dịch thuật của ông trước sau cũng chỉ xoáy vào cái mục đích thống nhất chữ viết và ngôn ngữ trên toàn cõi Việt Nam, rồi dùng chữ Quốc-ngữ để mở mang dân trí... *"Người An-nam nên viết chữ An-nam"* là khẩu hiệu được ông nêu cao và cổ xúy trong công cuộc phát triển chữ Quốc ngữ. Trong một bài báo khác đăng trên *Đăng Cổ Tùng Báo* số ra mắt tháng 3 năm 1907, ông cho rằng so với chữ nôm thì chữ Quốc ngữ *"có mẹo mực, ba là ba, bốn là bốn, không thể sai được mà học để biết là bao nhiêu! Sáng ý thì chỉ vài ngày, ngu đần thì trong một tháng cũng phải thông."* Vì chữ Quốc ngữ dễ học như vậy nên ông đã kêu gọi các nhà thức giả tiếp tay trong việc phổ biến này: *"Ông nào có tài, làm sách, làm chuyện hay bây giờ, nên làm bằng chữ quốc-ngữ. Có nhiều sách hay tất tiếng nôm cũng hóa ra hay. Ngẫm mà xem! Thơ phú đời sau dùng điển Thuý-Kiều, Nhị-Độ-Mai, hay là điển trong các sách hay khác, sắp làm ra, kém chi sâu-sắc bằng điển lấy trong Tứ-thư, Ngũ-kinh."*

Ngoài việc cổ xúy ông và đồng sự đã không ngừng đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng nền quốc văn cho dân tộc Việt Nam. Có thể nói phát triển và hoàn chỉnh chữ Quốc ngữ là đường lối làm cách mạng dân tộc của ông. Theo ông thì mở mang dân trí là con đường khả thi nhất vì khi trình độ dân trí đủ cao thì người dân sẽ tự khắc hiểu được quyền công dân mà đứng lên đòi lại.

Để phát triển chữ Quốc Ngữ và vì từ sách văn học bằng chữ Quốc Ngữ lúc ấy chưa có gì nên ông đã bỏ ra rất nhiều công sức cho việc dịch thuật các tác phẩm văn học của Pháp sang chữ Quốc Ngữ. Có thể nói dịch thuật là phần quan trọng nhất trong văn nghiệp của ông. Ông Nguyễn Văn Vĩnh xứng đáng là nhà quản quân trong công việc dịch thuật ở nước ta hồi đầu thế kỷ 20. Trong vòng 10 năm ông đã hoàn thành được một khối lượng dịch thuật đồ sộ. Truyện Kim-Vân-Kiều đã được ông dịch sang tiếng Pháp tới ba lần, với đầy đủ chú thích tỉ mỉ. Ông đã dịch những tác phẩm Tàu như Xích Bích và Hậu Xích Bích sang tiếng Pháp. Còn dịch từ Pháp ngữ sang Việt ngữ thì rất nhiều, chỉ xin kể qua tập thơ Ngụ Ngôn của La Fontaine, Chuyện Trẻ Con của Perrault, Qui-li-ve phiêu-lưu ký của J.Swift, Tê-lê-mác phiêu lưu ký của Fénelon, Robinson Crusoe của Daniel De Foe, Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ của Alexandre Dumas, Gil Blas de Santillane của Le Sage, Miếng Da Lừa của Balzac, Mai-nương Lệ Cốt của Abbé Prévost, Những Kẻ Khốn Nạn của Victor Hugo, và những hài kịch của Molière v.v...

Nhưng cái văn nghiệp lớn nhất của ông Nguyễn Văn Vĩnh là đã biến cái thứ chữ mới mẻ gọi là chữ Quốc-ngữ, lúc đó đang chập chững vào đời, một thứ tiếng độc âm, một thứ chữ mới được sáng tạo ra chỉ để trao đổi những ý kiến đơn sơ nhất..., thành một thứ chữ có đủ khả năng diễn đạt mọi khía cạnh của cuộc sống. Ông đã thật sự là một người thợ kim hoàn kiên nhẫn, đã mài dũa một thứ chữ chưa thành hình ấy thành một ngôn

ngữ viết bóng bẩy và trơn tru phản ánh lên được những màu sắc tinh vi nhất của ánh sáng mặt trời và dần dần biến nó thành chữ viết của dân tộc ta, riêng của dân tộc ta, giúp dân tộc ta có được một nền văn học độc đáo của riêng mình. Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã nói một câu bất hủ, hồi ấy thường in ở các bìa sách do ông xuất bản: "*Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở chữ quốc ngữ*". Do đó, ông và lớp trí thức thế hệ ông đã làm cuộc cách mạng chữ viết thành công hồi đầu thế kỷ trước. Chữ quốc ngữ đã đánh bại chữ Hán và chữ Nôm để trở thành chữ viết của toàn dân tộc Việt Nam.

Trong công cuộc phát triển chữ Quốc Ngữ, ông là chủ bút các báo tiếng Việt đầu tiên ở Bắc Kỳ dùng chữ quốc ngữ như tờ Đăng cổ Tùng báo, Lục tỉnh Tân văn, Đông Dương Tạp chí, Trung Bắc Tân văn và tờ Học báo. Ông đã không ngừng dùng các phương tiện truyền thông này để cổ xúy cho việc dùng chữ Quốc Ngữ. Ông cũng là chủ bút các báo tiếng Pháp như tờ Notre Journal, Notre Revue và L'Annam Nouveau; đồng thời làm giám đốc nhà xuất bản Âu Tây Tự Tưởng để in và phổ biến các sách viết bằng chữ Quốc Ngữ.

Ngoài ra, ông còn tham gia tích cực vào công cuộc nâng cao dân trí như mở trường Đông Kinh Nghĩa Thực nơi mỗi tuần ông dành mấy tối để nói chuyện hoặc dạy tiếng Pháp, dạy chữ Quốc ngữ cho mọi người. Do dạy học ở đó mà ông đã thân với các người đồng chí hướng trong việc phát triển chữ Quốc Ngữ như các ông Phan Kế bính, Nguyễn Đỗ Mục, Hoàng Tăng Bí, Dương Phục Dực, v.v... là những người sau này cộng tác với ông làm báo Đăng Cổ Tùng Báo, Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Dương Tạp Chí và Trung Bắc Tân Văn. Ông cũng lập hội Trí Tri trong đó ông làm trưởng ban diễn thuyết cùng với các ông Nghiêm Xuân Quảng và Trần Tăng Bình... Mỗi tuần hội tổ chức một buổi nói chuyện và giảng sách. Ông Nguyễn Văn Vĩnh không chỉ nói chuyện mà còn hướng dẫn các học viên tìm sách tham khảo, giải đáp bằng

thư những điều thối mạt của hội viên, những điều mà bản thân ông cũng phải tham khảo thêm.

Tất cả sự cố gắng và sức làm việc phi thường của ông Nguyễn Văn Vĩnh đã góp phần rất quan trọng trong việc truyền bá kiến thức và văn hoá phương Tây trong dân Việt, và đã đẩy xã hội Việt Nam đi đến chỗ dần dần chấp nhận chữ Quốc ngữ. Năm 1915 vua Duy Tân ra chỉ dụ bãi bỏ các khoa thi Hương – thi Hội - thi Đình ở Bắc Kỳ. Năm 1918 vua Khải Định ra chỉ dụ bãi bỏ các khoa thi này ở Trung Kỳ và đến năm 1919 bãi bỏ hoàn toàn các trường dạy chữ Nho, thay thế bằng hệ thống trường Pháp - Việt. Và cuối cùng vào ngày 18 tháng 9 năm 1924, toàn quyền Đông Dương Merlin ký quyết định đưa chữ Quốc ngữ vào dạy ở ba năm đầu cấp tiểu học. Như vậy là, sau hơn ba thế kỷ kể từ khi cuốn từ điển Việt - La - Bồ của Alexandre de Rhodes ra đời, người Việt Nam mới thật sự đoạn tuyệt với hệ chữ viết của Trung Hoa, chánh thức chuyển sang dùng chữ Quốc ngữ. Đây quả thực là một cuộc chuyển hóa có tánh cách cách mạng vô cùng lớn lao, trong đó ông Nguyễn Văn Vĩnh đã vô hình chung đóng vai trò một nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, để được nhìn nhận như hiện nay, ông Nguyễn Văn Vĩnh và gia đình đã chịu không ít bi kịch bị hiểu lầm và đánh giá sai lệch. Vì sớm nhận thấy rằng nếu một dân tộc có dân trí đủ cao thì tức khắc dân tộc sẽ “trời đầu lên được” nên ông Nguyễn Văn Vĩnh đã tự gán cho mình trách nhiệm phải phát triển chữ Quốc Ngữ và dùng chữ Quốc Ngữ để nâng cao dân trí. Ông Nguyễn Văn Vĩnh tự trường thành từ tiếng Pháp. Cơ duyên đó đưa ông đến việc tiếp xúc với chữ Quốc Ngữ và ngộ ra rằng đó là công cụ văn hóa quan trọng nhất trên đường tiến hóa theo mô hình phương Tây, ngay khi người Việt còn trong thân phận dân thuộc địa Pháp. Cho nên trong suốt 30 năm, từ 1907 tới ngày ông từ giã cõi trần, ông đã nhẫn nhục theo Pháp để

thực hiện cuộc Cách Mạng Chữ Quốc Ngữ.

Tuy theo Pháp nhưng ông lại là người không khuất phục trước thực dân Pháp nên ông đã từ bỏ quan trường để ra làm báo, viết sách. Ông Nguyễn Văn Vĩnh là người Việt Nam đã hai lần từ chối huân chương Bắc đẩu bội tinh của chính phủ Pháp ban tặng. Và ông cũng đã cùng với bốn người Pháp khác viết đơn gửi chính quyền Đông Dương phản đối việc bắt giữ cụ Phan Chu Trinh. Tuy nhiên, người đương thời ít người thấy được và chịu hiểu ông, nên đã có không ít người đã nghi ngờ ông, gán cho ông là “nghịch lý”, thậm chí có người còn đã kết tội ông là Việt gian, là phản quốc!

Sau bao nhiêu năm chịu mang nhiều tai tiếng, lịch sử và văn học Việt Nam ngày nay đã trả lại cho ông một vị thế xứng đáng với những công trình ông đã đóng góp. Cuộc đời hơn 50 năm của ông Nguyễn Văn Vĩnh là một chuỗi ngày hoạt động mê mải trong lĩnh vực phát triển văn hóa, đặc biệt là phát triển chữ Quốc Ngữ. Ông cũng đã tự nguyện lấy cái sự hiểu biết, sự học của mình để dựng một cây cầu cho sự giao lưu hiểu biết lẫn nhau giữa hai nền văn hóa Đông - Tây. Và ông - giống như con ve sấu kia trong bài thơ ngụ ngôn nổi tiếng của La Fontaine do chính ông dịch - đã gồng mình lên mà “ve ve” trên cái cầu giao lưu ấy, trong một hoàn cảnh “nguồn cơn thật bối rối” để phụng sự cho công cuộc nâng cao dân trí và phát triển chữ Quốc Ngữ. Chánh vì thế người ta có thể gọi ông là nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật, thậm chí nhà tư tưởng mà vẫn không thấy có gì là quá. Những việc ấy, khi đặt đúng thời điểm đầu thế kỷ 20, phải được coi là những công việc thế kỷ mà lịch sử chỉ chọn đặt lên vai một số ít người khai sáng. Ông Nguyễn Văn Vĩnh chính là một trong số những người khai sáng đó.

2009